

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/DS-PT  
Ngày 29-11-2024  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hữu Trường và ông Đinh Duy Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về Tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024, các Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024 và số 88/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ C, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B C, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Văn B và bà Phạm Thị Quỳnh N1 – Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; nơi đăng ký thường trú: Tổ B, Cụm D, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B, đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị Thu T – Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn F, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt;

*Người đại diện hợp pháp của ông H:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ C, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B C, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/01/2024); có mặt;

- Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số A đường Đ, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: Số A đường Đ, tổ K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số D đường L, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số D đường T, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1979; nơi cư trú: số A đường Đ, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số C đường Đ, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số H đường Đ, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bà Lê Thị V; nơi cư trú: Xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt;

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt;

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn V, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt;

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt;

*Người đại diện hợp pháp của bà V, chị H1, chị H2 và chị P:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ A (hiện là tổ C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (các văn bản ủy quyền ngày 15/01/2024 và ngày 05/4/2024); vắng mặt;

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N (nguyên đơn); ông Nguyễn Văn D (bị đơn).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Bố mẹ đẻ bà là cụ Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Thị V1 sinh được 06 người con là: Bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn H3, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L và bà là Nguyễn Thị N.

Ngoài 06 người con trên thì cụ C1 và cụ V1 không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi hay con riêng nào khác. Bố mẹ đẻ của cụ C1 và cụ V1 đã chết từ lâu và chết trước 02 cụ.

Trong số 06 người con đẻ của cụ C1 và cụ V1 có:

- Bà Nguyễn Thị T5 chết ngày 05/12/2019. Bà T5 có chồng là ông Nguyễn Văn B1 và 05 người con là Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4.

- Ông Nguyễn Văn H3 chết ngày 26/01/1996. Ông H3 có vợ là bà Lê Thị V và 03 người con là Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị P.

- Ông Nguyễn Văn L chết ngày 31/7/2021. Ông L không có vợ con.

Cụ C1 chết ngày 25 tháng 5 năm 2000 (tức ngày 22/4/2000 Âm lịch), cụ V1 chết ngày 07 tháng 02 năm 2006 (tức ngày 10/01/2006 Âm lịch), đều không để lại di chúc.

Khi còn sống 02 cụ tạo dựng được tài sản là diện tích 896,1m<sup>2</sup> đất thổ cư tại thửa 28, tờ bản đồ địa chính số 303592- 8 - (11), tổ 2 cụm 4 (nay là C) phường B, quận K, thành phố Hải Phòng và 01 ngôi nhà nhỏ xây dựng trên đất năm 2003.

Năm 2015, anh chị em bà có hợp và thống nhất phân đất thổ cư trên của bố mẹ sẽ chia cho ông Nguyễn Văn H và bà là Nguyễn Thị N từ ngõ đi vào phía bên trái, còn phía bên phải là của ông Nguyễn Văn D. Ngõ rộng 2m thì sử dụng chung. Việc anh chị em tôi thỏa thuận được lập thành văn bản và cùng ký nhận. Tuy nhiên, sau đó ông D không thực hiện như bản thỏa thuận của mấy anh chị em nên bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Kiến An yêu cầu giải quyết: Chia di sản của bố mẹ bà là Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (nay là C) phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, theo diện tích số đo thực tế là 791,7m<sup>2</sup> đất thổ cư cho các thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị được nhận kỹ phần của mình bằng hiện vật và đề nghị Tòa án miễn án phí cho bà do là người cao tuổi. Đối với ngôi nhà do mẹ bà xây dựng năm 2003 đến nay đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên bà không yêu cầu chia.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia đối với phần tài sản của ông Nguyễn Văn L được hưởng trong khối di sản thừa kế của cụ C1 và cụ V1 để lại theo quy định của pháp luật.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N, cụ thể:*

- Xác định lối đi chung trước khi thực hiện phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Phân chia phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C1 (chết vào năm 2000) và cụ Nguyễn Thị V1 (chết vào năm 2006) theo quy định của pháp luật.

- Xử lý phần di sản của ông Nguyễn Văn L được hưởng trong khối di sản thừa kế của cụ C1 và cụ V1 để lại chia cho ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N, là những người thừa kế còn sống vào thời điểm mở thừa kế của ông L, do ông L khi chết không để lại di chúc và ông L không có vợ con, cha mẹ nuôi (theo quy định tại Điều 613 Bộ luật Dân sự năm 2015).

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Bị đơn xác nhận về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế và di sản thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng.

Khi còn sống cụ C1 và cụ V1 đã xây dựng nhà ở và sinh sống tại thửa đất trên. Sau khi cụ C1 chết, đến năm 2003 do ngôi nhà của 02 cụ xuống cấp nên bị đơn đã bỏ tiền ra để xây dựng lại nhà cho cụ V1 và em trai bị tâm thần là Nguyễn Văn L ở. Ngôi nhà này hiện nay đã xuống cấp, nhưng bị đơn vẫn để làm nơi thờ cúng 02 cụ và em trai. Ngoài ra, sau khi cụ V1 chết đến khoảng năm 2009, bị đơn có bỏ tiền đầu tư xây dựng 01 dãy nhà trọ (gồm 08 gian, mỗi gian 60 triệu đồng) cho thuê để có người qua lại cho ấm cúng, hiện các gian trọ này vẫn đang có người thuê; tại phiên tòa bị đơn xác nhận số tiền bị đơn thu được từ việc cho thuê nhà trọ là để bị đơn bù đắp vào khoản tiền mà bị đơn đã bỏ ra đầu tư xây dựng nhà trọ.

Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, bị đơn đồng ý và có quan điểm như sau: Bị đơn yêu cầu chia khối tài sản thành 06 suất (sau khi đã trừ đi phần diện tích đất làm ngõ đi chung), bị đơn nhận 3/6 suất thừa kế gồm 01 suất của bị đơn, 01 suất của ông Nguyễn Văn L do bị đơn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông L, vì ông L bị tâm thần từ nhỏ và 01 suất trông coi, bảo quản di sản thừa kế; còn 3/6 suất còn lại chia đều cho các thừa kế khác. Người nào nhận phần đất trên đó có phần diện tích nhà trọ do bị đơn đã bỏ tiền đầu tư xây dựng, thì phải thanh toán giá trị bằng tiền cho bị đơn theo mức giá mà Hội đồng định giá đã xác định; đối với các tài sản khác trên đất bị đơn không yêu cầu. Bị đơn nghị Tòa án miễn án phí cho bị đơn do là người cao tuổi.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn. Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn như đã trình bày tại phiên tòa, thì đề nghị Hội

đồng xét xử hoãn phiên tòa để xác minh xem ai là người chăm sóc nuôi dưỡng ông Nguyễn Văn L để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết sơ thẩm có quan điểm:*

*- Bà Lê Thị V, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị P và người đại diện hợp pháp của họ là ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Thống nhất với lời khai của nguyên đơn như đã trình bày ở trên, yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Nguyễn Thị V1 là Thừa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (nay là C) phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, theo diện tích số đo thực tế là 791,7m<sup>2</sup> đất thổ cư cho các thừa kế theo quy định của pháp luật và đề nghị được nhận ký phần thừa kế bằng hiện vật, nếu trên phần diện tích được chia có tài sản là nhà trọ do bị đơn xây dựng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sẽ hoàn trả cho bị đơn giá trị bằng tiền theo mức giá mà Hội đồng định giá đã xác định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị V, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị P nhất trí với việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện chia phần tài sản của ông Nguyễn Văn L được hưởng thừa kế từ cụ Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Thị V1 theo quy định của pháp luật, do ông L đã chết từ năm 2021, ông L lại không có vợ con.

*- Anh Nguyễn Văn T1 trình bày:* Anh đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của 02 cụ theo quy định của pháp luật có tính đến phần công sức bảo quản di sản của ông Nguyễn Văn D và đề nghị được nhận ký phần thừa kế bằng hiện vật, nếu trên phần diện tích được chia có tài sản là nhà trọ do bị đơn xây dựng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sẽ hoàn trả cho bị đơn giá trị bằng tiền theo mức giá mà Hội đồng định giá đã xác định. Riêng đối với phần tài sản của ông Nguyễn Văn L được hưởng trong khối di sản thừa kế của cụ C1 và cụ V1, do ông L đã chết và không có vợ con nên anh đề nghị Tòa án chia cho ông Nguyễn Văn D được hưởng toàn bộ phần tài sản này của ông L, vì ông D là người có công chăm sóc và nuôi dưỡng ông L, do ông L bị bệnh tâm thần từ nhỏ.

*- Ông Nguyễn Văn B1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4 (chồng và con của bà Nguyễn Thị T5) mặc dù đã được Tòa án Thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến Tòa án và cũng gửi không văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Với nội dung như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652, 660, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 95, 99, 167 và điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai; khoản

7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Nguyễn Thị V1 đối với: Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), diện tích theo số đo thực tế là 791,7m<sup>2</sup> đất thổ cư tại tổ B cụm 4 (nay là C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, tên chủ sử dụng theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 1997 là Nguyễn Văn C1.

1.1. Chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng 119m<sup>2</sup> đất thổ cư, là 1 phần của Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (nay là C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất trên (S6);

1.2. Chia cho ông Nguyễn Văn D được quyền sử dụng 172m<sup>2</sup> đất thổ cư là 1 phần của Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (nay là C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất trên (S1);

1.3. Chia cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng 97m<sup>2</sup> đất thổ cư là 1 phần của Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (nay là C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất trên (S3);

1.4. Chia cho chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị P được quyền sử dụng 97m<sup>2</sup> đất thổ cư là 1 phần của Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (nay là C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất trên;

1.5. Chia cho ông Nguyễn Văn B1, anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4 được quyền sử dụng 97m<sup>2</sup> đất thổ cư là 1 phần của Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (nay là C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất trên;

1.6. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn D được quyền quản lý 97m<sup>2</sup> đất thổ cư là 1 phần của Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (nay là C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất trên;

1.7. Diện tích đất các đương sự được hưởng có sơ đồ, mốc giới kèm theo bản án sơ thẩm. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà mình được phân chia theo quy định của pháp luật.

2. Các đương sự được quyền sử dụng chung ngõ đi có diện tích là 112,7m<sup>2</sup>, là 1 phần của Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), địa chỉ tại tổ B

cụm D (nay là C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; Các đương sự phải tự tháo dỡ công và các vật, kiến trúc khác trên phần diện tích ngõ đi chung.

### 3. Về nghĩa vụ thanh toán:

3.1. Bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Doanh S tiền 242.000.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu) đồng.

3.2. Ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Doanh S tiền 60.294.533 (sáu mươi triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm ba mươi ba) đồng.

3.3. Chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Doanh S tiền 59.366.925 (năm mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng.

3.4. Ông Nguyễn Văn B1, anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Doanh S tiền 64.468.770 (sáu mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 27/6/2024, Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu: Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia di sản của cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Nguyễn Thị V1 thành 06 phần, mỗi đồng thừa kế hưởng 01 phần và phải lấy ý kiến của những đồng thừa kế về vị trí hoặc thực hiện bóc thăm vị trí đối với phần di sản là hiện vật mà những đồng thừa kế được hưởng; các đồng thừa kế không phải trả giá trị phần tài sản trên đất là căn nhà cho bị đơn.

- Ngày 03/7/2024, ông Nguyễn Văn D kháng cáo yêu cầu: Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

#### *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bà N yêu cầu phân chia di sản của ông Nguyễn Văn L để lại cho những người thừa kế hợp pháp; trường hợp không phân chia di sản của ông L, yêu cầu giao cho các đồng thừa kế của ông L cùng quản lý. Bà yêu cầu bổ sung vợ của ông Nguyễn Văn D tham gia tố tụng trong vụ án.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm. Trường hợp giải quyết phân chia di sản của ông L để lại yêu cầu làm rõ công sức chăm sóc nuôi dưỡng của ông đối với ông L. Ông D yêu cầu làm rõ công sức đóng góp của vợ ông trong việc xây dựng công trình trên đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia dứt điểm di sản của ông Nguyễn Văn L để lại cho những người thuộc hàng thừa kế của ông L để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự về cơ bản đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Đối với nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N chỉ yêu cầu chia phần di sản thừa kế mà ông L được nhận từ cụ C1 và cụ V1 (không yêu chia thừa kế đối với các tài sản khác của ông L) do đó không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu là chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ V1. Trường hợp Tòa án giải quyết yêu cầu chia thừa kế của ông L thì cần thiết phải bổ sung thêm người tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó để đảm bảo giải quyết triệt để, toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Kiến An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là ông Nguyễn Văn D, cư trú tại số nhà B, đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân quận Kiến An giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm xét xử ngày 24/6/2024. Ngày 27/6/2024, Tòa án nhân dân quận Kiến An nhận được đơn kháng cáo của bà N; ngày 03/7/2024, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông D. Thời hạn kháng cáo đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.



[3] Về nguồn gốc tài sản đang có tranh chấp và quá trình sử dụng:

[3.1] Lời khai xác nhận của các đương sự, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường B thể hiện: Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (hiện là số 168 đường C, tổ C) phường B, quận K, thành phố Hải Phòng có diện tích đất theo số đo thực tế là 791,7m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Thị V1 để lại. Theo kết quả xác minh tại Văn phòng Đ - Chi nhánh quận K, thành phố Hải Phòng thì thửa đất trên hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2] Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Năm 2017 ông Nguyễn Duy C2 đã đổi phần diện tích đất phần đất đi vào khu đất của cụ Nguyễn Văn C1 cho ông Nguyễn Văn D để lấy phần diện tích lối đi vào đất của cụ C1.

[4] Về các tài sản gắn liền với Thửa đất số 28 (theo Sơ đồ hiện trạng):

[4.1] Đối với nhà ở (1), nhà vệ sinh (2): Tại phiên tòa, nguyên đơn khai đây là nhà do mẹ nguyên đơn bỏ tiền ra xây dựng từ năm 2003 (sau khi bố nguyên đơn chết), bị đơn khai tiền xây dựng ngôi nhà này là do bị đơn bỏ tiền ra. Tuy nhiên, hiện nay ngôi nhà này đã xuống cấp không còn giá trị nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.2] Đối với nhà cũ (4) và bể nước (5): Là tài sản do cụ C1 và cụ V1 đầu tư xây dựng, hiện không còn giá trị, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.3] Đối với dãy nhà trọ 01 tầng, tường chịu lực 110, mái fibroximăng, móng xây gạch chỉ, không khu phụ (6): Các đương sự đều thống nhất bị đơn là người đầu tư xây dựng dãy nhà trọ này. Mặc dù khi bị đơn xây dựng nguyên đơn không đồng ý nhưng lại không có hành vi ngăn cản. Tại phiên tòa, ngoài nguyên đơn ra, các đương sự khác đều có ý kiến nêu trên phần diện tích mà họ được chia có tài sản là nhà trọ do bị đơn xây dựng, thì họ sẽ hoàn trả cho bị đơn giá trị bằng tiền theo mức giá mà Hội đồng định giá đã xác định. Như vậy, trong trường hợp Tòa án phân chia cho ai được hưởng phần diện tích đất trên đó có phần tài sản là nhà trọ, thì người đó sẽ được quyền sở hữu phần tài sản này và phải trả cho bị đơn số tiền tương ứng với diện tích của nhà trọ theo mức giá mà Hội đồng định giá đã xác định là 2.319.020,5 đồng/m<sup>2</sup>.

[4.4] Đối với toàn bộ cây cối trên Thửa đất số 28: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ai được chia phần diện tích đất trên đó có cây gì sẽ được quyền sở hữu các cây đó.

[5] Về hàng thừa kế:

[5.1] Theo Tài liệu trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của các đương sự đều thống nhất xác định: Cụ Nguyễn Văn C1 (chết năm 2000) và cụ Nguyễn Thị V1 (chết năm 2006) có 06 người con là: Bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn L; ngoài ra không

có con nuôi, con riêng nào khác. Theo quy định tại Điều 649, 651 Bộ luật Dân sự thì bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn L là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1 và cụ V1 gồm

[5.2] Bà Nguyễn Thị T5 đã chết ngày 05/12/2019 (chết sau 02 cụ). Bà T5 có chồng là ông Nguyễn Văn B1 và 05 người con đẻ là Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4; bà T5 không có con nuôi, con riêng, không có cha mẹ nuôi. Phần tài sản của bà T5 được hưởng trong khối di sản thừa kế của cụ C1 và cụ V1 để lại sẽ giao những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 gồm chồng và các con của bà.

[5.3] Ông Nguyễn Văn H3 chết ngày 26/01/1996 (chết trước 02 cụ). Ông H3 có vợ là bà Lê Thị V và 03 người con đẻ là Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị P; ông H3 không có con nuôi, con riêng, không có cha mẹ nuôi. Chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2 và chị Nguyễn Thị P sẽ là người thừa kế thế vị được hưởng phần di sản mà ông H3 được hưởng nếu còn sống theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự 2015.

[5.4] Ông Nguyễn Văn L chết ngày 31/7/2021 (chết sau 02 cụ và chết sau ông H3, bà T5). Ông L không có vợ con, không có cha mẹ nuôi. Căn cứ theo quy định tại Điều 613 Bộ luật dân sự 2015 thì ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông L còn sống khi ông L mất.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

[6.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn H4 và bà Nguyễn Thị N là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông L nhưng không xác định ông D, ông H4, bà N là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến phần thừa kế của ông L. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia đối với phần tài sản của ông Nguyễn Văn L được hưởng trong khối di sản thừa kế của cụ C1 và cụ V1 để lại vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn là đúng.

[6.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu chia di sản bằng hiện vật. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Khối di sản thừa kế của cụ C1 và cụ V1 để lại có thể chia được bằng hiện vật cho các đương sự. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chia phần di sản thừa kế của ông L làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự, không giải quyết được triệt để vụ án.

[6.3] Do Tòa án cấp sơ thẩm không chia phần di sản thừa kế ông L được hưởng nên cũng không thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh công sức chăm sóc, nuôi dưỡng ông L khi còn sống như trình bày của ông D.

[6.4] Theo ông D trình bày: Dãy nhà trọ do ông D xây dựng trong thời kỳ hôn nhân, có công sức đóng góp của vợ ông. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ về công sức cũng như đóng góp của vợ ông D đối với công trình xây dựng này. Mặt khác, không xác định và đưa vợ ông D tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng.

[7] Xét thấy những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, không thể khắc phục được tại giai đoạn phúc thẩm; làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án cũng như không thể giải quyết vụ án triệt để, toàn diện và khách quan. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 273; khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Nguyễn Văn D:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- TAND quận Kiến An;
- Đương sự (đề thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Hà**